

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm
- Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Ngọc Lợi
Ông Nguyễn Chí Bền
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 13/5/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc B - sinh năm: 1979. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T - sinh năm: 1976. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Kinh T, xã Hòa A, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Võ Ngọc B trình bày: Bà và ông T quen biết nhau thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994, cho đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc khoảng hơn 20 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 07/2016 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nữa nên nay bà B xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Bé N - sinh năm: 1996. Hiện con đã trưởng thành, lập gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Chí T để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà B cũng như tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông T không nộp bản tự khai cho Tòa án, đã cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với ông T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Hòa A, huyện Giồng R nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung: Bà B và ông T bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1994, cho đến nay ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà B có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Võ Ngọc B và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà B, ông T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Bé N - sinh năm: 1996. Hiện con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7416 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Võ Ngọc B và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7416 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho bà B được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/6/2019. Ông T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Văn Lâm